

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 38/2017/HS-ST

Ngày 21-09-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà HJông và ông Võ Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Hùng-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2017/HSST, ngày 08 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thị M, sinh năm 1955 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/10; dân tộc: Kinh; nhân thân: Ngày 15-6-2009 phạm tội Đánh bạc, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2010/HSST ngày 23-3-2010, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xử phạt 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích; con ông Huỳnh Xuân M và bà Nguyễn Thị K (*cả hai đã chết*); có chồng là Hồ Minh P (*chết*); bị bắt tạm giam ngày 21-7-2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Glong.

2. Bùi Văn V, sinh năm 1981 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; con ông Bùi Văn H (*chết*) và bà Cao Thị M; có vợ là H'G và 02 con; hiện đang được tại ngoại theo Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam số 21/KSĐT ngày 20-7-2017 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Đắk Glong.

3. Nông Văn T, sinh năm 1986 tại tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12;

dân tộc: Tày; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 18-QĐ/UBKTHU ngày 26-6-2017 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ; con ông Nông Văn D và bà Lương Thị T; có vợ là Hoàng Thị L và 02 con; hiện đang được tại ngoại theo Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam số 22/KSĐT ngày 20-7-2017 của VKSND huyện Đắk Glong.

4. Quan Văn N, sinh năm 1979 tại tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Nùng; con ông Quan Văn L (*chết*) và bà Nông Thị V; có vợ là Nông Thị H và 02 con; hiện đang được tại ngoại theo Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam số 24/KSĐT ngày 20-7-2017 của VKSND huyện Đắk Glong.

5. Nông Văn Đ, sinh năm 1989 tại tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Nùng; con ông Nông Văn D và bà Hoàng Thị K; bị bắt tạm giam ngày 21-7-2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Glong.

6. Nguyễn Quốc D, sinh năm 1984 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nông Thị P và 02 con; hiện đang được tại ngoại theo Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam số 25/KSĐT ngày 20-7-2017 của VKSND huyện Đắk Glong.

7. Nguyễn Quang P, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ H, Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tiền án: 01 tiền án, cụ thể: Ngày 31-3-2012 phạm tội Cướp tài sản, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2012/HSST ngày 24-8-2012, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 07 năm tù, ngày 25-01-2017 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích; con ông Nguyễn Quang H (*chết*) và bà Nguyễn Thị C; bị bắt tạm giữ ngày 24-6-2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Glong.

8. Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị Hồng D và 03 con; hiện đang được tại ngoại theo Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam số 23/KSĐT ngày 20-7-2017 của VKSND huyện Đắk Glong.

9. Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; nhân thân: Ngày 20-01-2006 phạm tội Giết người, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 1569/2006/HSPT ngày 29-9-2006 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 11 năm tù, ngày 30-8-2013 được đặc xá tha tù trước thời hạn, đã được xóa án tích; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P (*chết*); có vợ là Nông Thị H và 01 con; bị bắt tạm giữ ngày 24-6-2017 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Glong.

10. Nông Văn T, sinh năm 1977 tại tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Nùng; con ông Nông Văn M và bà Nông Thị V (*chết*); có vợ là Hoàng Thị S và 02 con; hiện đang được tại ngoại theo Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam số 26/KSĐT ngày 14-8-2017 của VKSND huyện Đắk Glong.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 23-6-2017 Bùi Văn V, Nguyễn Quốc D, Nông Văn T và Nông Văn Đ đi đến nhà Huỳnh Thị M ở thôn B, xã Đ, huyện Đ để chơi. Nói chuyện được một lúc, M rủ V, D, T và Đ đánh bạc bằng hình thức đánh bài liêng tổ ăn tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó M, V, D, T và Đ ngồi xuống chiếu rồi sử dụng 04 bộ bài tú lơ khơ do M mua từ trước để đánh bạc. Trước khi chơi M có số tiền 200.000 đồng; V có số tiền 1.500.000 đồng; D có số tiền 420.000 đồng; Đ có số tiền 630.000 đồng và T có số tiền 310.000 đồng.

Hình thức đánh bài liêng tổ ăn tiền như sau: Bộ bài tú lơ khơ được chia đều cho những người chơi mỗi người 03 lá bài. Những người chơi sẽ đặt mỗi người 10.000 đồng, gọi là tiền "*táy*". Sau đó người chia bài có thể "*tổ*" thêm tiền nhưng không được quá 200.000 đồng. Những người còn lại có thể theo và có thể "*tổ*" thêm hoặc bỏ bài, nếu những người chơi bỏ bài hết thì người "*tổ*" cuối cùng mà không có ai theo là người thắng. Nếu người chia bài không "*tổ*" hoặc sau khi "*tổ*" còn từ 02 người trở lên theo thì sẽ so sánh bài để phân định thắng thua. Cách so sánh bài như sau: Lớn nhất là "*sáp*" (*có 03 lá bài A hoặc 03 lá bài cùng số*); "*sáp*" lớn nhất là 03 lá bài A; "*sáp*" nhỏ nhất là 03 lá bài 2. Nhỏ hơn "*sáp*" là "*liêng*" (*có 03 lá bài liên tiếp nhau*); "*liêng*" lớn nhất là Q, K, A;

“liêng” nhỏ nhất là A, 2, 3. Nhỏ hơn “liêng” là “ba tiên” (có 03 lá bài là J,J,Q hoặc Q,Q,K...); “ba tiên” lớn nhất là 03 lá bài Q,K,K (chất cơ); “ba tiên” nhỏ nhất là 03 lá bài J,J,Q (chất bích). Nếu không có “sáp”, “liêng” và “ba tiên” thì sẽ cộng 03 lá bài lại để tính điểm; lá bài A tính là 1 điểm, lá bài J, Q, K tính là 10 điểm, những lá bài còn lại có điểm tương ứng với số của lá bài; điểm lớn nhất là 9; điểm nhỏ nhất là 0; nếu tổng 03 lá bài lớn hơn hoặc bằng 10 thì điểm của 03 lá bài là số hàng đơn vị. Người thắng được lấy toàn bộ tiền “tẩy”, tiền “tố”, được chia ván bài tiếp theo và được “tố” đầu tiên.

Đánh bạc đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì D nghỉ đi ra ngoài có việc, những người còn lại tiếp tục chơi. Khi đi D cầm theo số tiền 920.000 đồng.

Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày Nông Văn T, Quan Văn N, Nguyễn Văn L và Nguyễn Quang P đến tham gia đánh bạc cùng với M, V, T và Đ. Trước khi đánh bạc T có số tiền 900.000 đồng, N có số tiền 830.000 đồng, P có số tiền 500.000 đồng, L có số tiền 400.000 đồng. Khoảng 21 giờ cùng ngày D đi cùng với Nguyễn Văn T quay lại nhà M tham gia đánh bạc. Trước khi đánh bạc, D cho T mượn số tiền 500.000 đồng, T có số tiền 500.000 đồng, còn D sử dụng số tiền 420.000 đồng để đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày M và T bị thua hết tiền nên nghỉ không đánh bạc nữa; Đ do mệt nên cũng nghỉ không tham gia đánh bạc, lúc này Đ còn lại số tiền 600.000 đồng. Còn V, T, T, P, N, L và D tiếp tục đánh bạc. Quá trình đánh bạc các bị cáo thống nhất ván bài nào có mức độ ăn thua lớn thì người thắng bỏ ra số tiền 10.000 đồng để mua mì tôm ăn khuya và mua thuốc lá hút (gọi là tiền “xâu”). Đến khoảng 02 giờ ngày 24-6-2017 Công an huyện Đăk Glong bắt quả tang V, T, T, P, N, L và D đang đánh bạc.

Vật chứng của vụ án gồm: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 6.190.000 đồng; trong đó: Tiền thu trên chiếu bạc là 730.000 đồng (gồm: 590.000 đồng là tiền “tẩy”, tiền “tố” và 140.000 đồng là tiền “xâu”); tiền thu tại vị trí ngồi của Bùi Văn V là 620.000 đồng, tiền thu trên người V là 1.400.000 đồng; tiền thu tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn L là 600.000 đồng; tiền thu tại vị trí ngồi của Nguyễn Quang P là 470.000 đồng; tiền thu tại vị trí ngồi của Nông Văn T là 420.000 đồng; tiền thu tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn T là 300.000 đồng; tiền thu tại vị trí ngồi của Nguyễn Quốc D là 150.000 đồng; Quan Văn N giao nộp số tiền 900.000 đồng; Nông Văn Đ giao nộp số tiền 600.000 đồng). Đối với số tiền thu giữ trên người của V và số tiền N giao nộp, V, N khai sử dụng số tiền này vào mục đích đánh bạc; 04 bộ bài tứ lơ khơ loại 52 lá, trong đó 03 bộ bài đã qua sử dụng, 01 bộ bài chưa sử dụng; 01 chiếu

nhựa màu đỏ có kích thước 1,5m x 1,9m; 01 chiếc màu xanh, đỏ có kích thước 1,2m x 1,8m.

Ngoài ra khi bắt quả tang, Công an huyện Đăk Glong còn thu giữ trên người của Nguyễn Quang P số tiền 8.010.000 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định P không sử dụng số tiền này vào mục đích đánh bạc nên ngày 22-8-2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong đã trả lại số tiền này cho Phòng.

Tại bản cáo trạng số 42/CTr-VKS, ngày 08-9-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong truy tố các bị cáo Huỳnh Thị M, Bùi Văn V, Nông Văn T, Quan Văn N, Nông Văn Đ, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quang P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và Nông Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị M từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang P từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Bùi Văn V, Nông Văn T, Quan Văn N, Nông Văn Đ, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn T và Nông Văn T mỗi bị cáo từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước; căn cứ khoản 3 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo Đ ngay tại phiên tòa. Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 6.190.000 đồng do các bị cáo sử dụng để đánh bạc; tịch thu, tiêu hủy 04 bộ bài tú lơ khơ và 02 chiếc nhựa.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải và xin hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý. Xét thấy, các bị cáo nhận thức được hành vi sát phạt được thua bằng tiền dưới mọi hình thức đều bị nghiêm cấm, song do tham lam, tư lợi nên vào khoảng từ 17 giờ 30 phút ngày 23-6-2017 đến khoảng 02 giờ ngày 24-6-2017 tại nhà Huỳnh Thị M ở thôn M, xã Đ, huyện Đ, M cùng với Bùi Văn V, Nông Văn T, Quan Văn N, Nông Văn Đ, Nguyễn Quang P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn L và Nông Văn T đã đánh bạc bằng hình thức đánh bài liêng tổ ăn tiền. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 6.190.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự, cụ thể: Tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2..."

[3]. Hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân hóa hành vi của các bị cáo để đề ra mức hình phạt cho phù hợp, trong vụ án này bị cáo Muôn là người ru rê, các bị cáo Vương, Tướng, Nùm, Đồng, Phòng, Tân, Dương, Long và Thành đều tham gia tích cực nên hình phạt đối với bị cáo cũng cần khác nhau để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; các bị cáo

Bùi Văn V, Nông Văn T, Quan Văn N, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc D và Nông Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn L có bố là ông Nguyễn Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến vẻ vang hạng ba nên theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; đối với các bị cáo Huỳnh Thị M và Nguyễn Văn L có nhân thân xấu; đối với bị cáo Nguyễn Quang P phạm tội Cướp tài sản đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích nên bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, đối với các bị cáo Bùi Văn V, Nông Văn T, Quan Văn N, Nông Văn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc D và Nông Văn T không nhất thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 30 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung; đối với các bị cáo Huỳnh Thị M, Nguyễn Quang P, Nguyễn Văn L cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, thì mới đủ răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5]. Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 6.190.000 đồng do các bị cáo sử dụng để đánh bạc; tịch thu, tiêu hủy 04 bộ bài tú lơ khơ và 02 chiếu nhựa do các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội.

[6]. Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Huỳnh Thị M, Bùi Văn V, Nông Văn T, Quan Văn N, Nông Văn Đ, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quang P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và Nông Văn T phạm tội “*Đánh bạc*”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Thị M 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính

từ ngày bắt tạm giam (ngày 21-7-2017). Tiếp tục tạm giam bị cáo 31 ngày kể từ ngày 21-9-2017, hết thời hạn tạm giam này, Nhà tạm giữ Công an huyện Đăk Glong có trách nhiệm trả tự do cho bị cáo, nếu họ không bị tạm giam, tạm giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 24-6-2017). Tiếp tục tạm giam bị cáo 04 ngày kể từ ngày 21-9-2017, hết thời hạn tạm giam này, Nhà tạm giữ Công an huyện Đăk Glong có trách nhiệm trả tự do cho bị cáo, nếu họ không bị tạm giam, tạm giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang P 04 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 24-6-2017). Tiếp tục tạm giam bị cáo 34 ngày kể từ ngày 21-9-2017, hết thời hạn tạm giam này, Nhà tạm giữ Công an huyện Đăk Glong có trách nhiệm trả tự do cho bị cáo, nếu họ không bị tạm giam, tạm giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước, hình thức nộp phạt một lần. Căn cứ khoản 3 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Bùi Văn V, Nông Văn T, Quan Văn N, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn T và Nông Văn T mỗi bị cáo 8.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước, hình thức nộp phạt một lần.

2. Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 6.190.000 đồng; tịch thu, tiêu hủy 04 bộ bài tú lơ khơ và 02 chiếu nhựa. Đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao ngày 15-9-2017 giữa cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong.

3. Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Huỳnh Thị M, Bùi Văn V, Nông

Văn T, Quan Văn N, Nông Văn Đ, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quang P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và Nông Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Vinh